SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

ĐƠN VỊ: BAN DÂN TỘC

(Kèm theo Thông báo số 182/TB-STC ngày 06 tháng 9 năm 2023)

PHẦN I- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

ĐV: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Loại 340-341
A	*B*	*1*	*2*
A	**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**17.935.251.000**	**17.935.251.000**
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC**		
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)**		
1.1	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)*		
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)*		
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	**Dự toán được giao trong năm (08=09+10)**	**17.935.251.000**	**17.935.251.000**
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	3.690.000.000	3.690.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	14.245.251.000	14.245.251.000
3	**Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)**	**17.935.251.000**	**17.935.251.000**
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	3.690.000.000	3.690.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	14.245.251.000	14.245.251.000
4	**Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)**	**17.935.251.000**	**17.935.251.000**
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	3.690.000.000	3.690.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	14.245.251.000	14.245.251.000
5	**Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)**	**15.952.465.000**	**15.952.465.000**
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	3.690.000.000	3.690.000.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	12.262.465.000	12.262.465.000
6	**Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)**	**1.798.738.600**	**1.798.738.600**
6.1	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)*		
	- Đã nộp NSNN		
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)		
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)		
6.2	*Kinh phí không thường xuyên/tự chủ*	*1.798.738.600*	*1.798.738.600*
	- Đã nộp NSNN		
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)		
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	1.798.738.600	1.798.738.600
7	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)**	**184.047.400**	**184.047.400**
7.1	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)*		
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		

STT	Nội dung	Tổng số	Loại 340-341
A	*B*	*1*	*2*
7.2	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)*		
	- Kinh phí đã nhận		
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	184.047.400	184.047.400
II	**NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ**		**0**
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**		
2	**Dự toán được giao trong năm**		
3	**Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)**		
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng		
	- Số đã ghi thu, ghi chi		
4	**Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)**		
5	**Kinh phí đề nghị quyết toán**		
6	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)**		
III	**NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI**		**0**
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)**		
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng		
	- Số dư dự toán		
2	**Dự toán được giao trong năm**		
3	**Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)**		
4	**Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)**		
	- Số đã ghi vay, ghi chi tạm ứng NSNN		
	- Số dđã ghi vay, ghi chi NSNN		
5	**Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán**		
6	**Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)**		
	- Đã nộp NSNN		
	- Còn phải nộp NSNN (55=45+49-52-54-58)		
	- Dự toán bị hủy (56=46+47-49-59)		
7	**Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57=58+59)**		
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng		
	- Số dư dự toán		
8	**Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN**		
B	**NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI**		**0**
1	**Số dư KP chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
2	**Dự toán được giao trong năm (64=65+66)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
3	**Số thu được để lại trong năm (67=68+69)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		

STT	Nội dung	Tổng số	Loại 340-341
A	*B*	*1*	*2*
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)		
5	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
6	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)		
C	**NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI**		**0**
1	**Số dư KP chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
2	**Dự toán được giao trong năm (82=83+84)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
3	**Số thu được để lại trong năm (85=86+87)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)		
5	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
6	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)**		
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)		